TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình.
2. Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Châu Tấn A, sinh ngày 29/11/1987.

Địa chỉ: Số 128/3 ấp Bình Thạnh 3, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thùy B, sinh ngày 03/10/1986.

Địa chỉ: Số 89/3 ấp Bình Thạnh 3, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

(Ông A và bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Châu Tấn Hùng trình bày: Ông và bà Phạm Thị Thùy B kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa, bà B chê ông nghèo nên đã bỏ đi mấy tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Thùy B.

- Về con chung: Có chung 01 con Châu Ngọc Kim C, sinh ngày 12/09/2022. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để cho bà B trực tiếp nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng: Ông cấp dưỡng theo khả năng. Nếu bà B không nuôi con nổi thì ông trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Thùy B trình bày: Bà thống nhất ly hôn với ông Châu Tấn A.

- Về con chung: Có chung 01 con Châu Ngọc Kim C, sinh ngày 12/9/2022. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với mức 1.930.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung.

Tại phiên tòa các bên tranh luận:

- Ông Châu Tấn A tranh luận: Ông đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng cho con chung vì hiện tại ông không có việc làm. Trường hợp bà B nuôi con không nổi thì để ông trực tiếp nuôi.

- Bà Phạm Thị Thùy B tranh luận: Bà yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là mỗi tháng với mức 1.930.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Trích lục kết hôn, bản tự khai, căn cước công dân, phiếu đề nghị xác minh tình trạng nơi cư trú, giấy khai sinh, đơn đề nghị không hòa giải, đối thoại và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Châu Tấn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Thùy B; đồng thời bà B có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo trích lục kết hôn số 808/TLKH-BS ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì ông Châu Tấn A và bà Phạm Thị Thùy B là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng, vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà B chê ông nghèo nên bỏ đi, việc hàn gắn hạnh phúc gia đình không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thùy B cũng đồng ý ly hôn với ông A. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông A và bà B.

[3.3] Về con chung: Theo giấy khai sinh số 262 ngày 04/02/2025 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì ông Châu Tấn A và bà Phạm Thị Thùy B có 1 con chung tên Châu Ngọc Kim C, sinh ngày 12/9/2022. Tại phiên

tòa, hai bên đương sự thống nhất để bà B trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của hai bên đương sự.

[3.4] Về cấp dưỡng: Tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*". Do đó, ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng: Tại phiên tòa hai bên đương sự không thỏa được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần buộc ông A phải có nghĩa cấp dưỡng bằng mức ½ mức lương tối thiểu vùng được quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ là 1.930.000 đồng/tháng (huyện Y, tỉnh Long An thuộc vùng III có mức 3.860.000 đồng/tháng).

[3.5] Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: Ông A và bà B trình bày là không có; đồng thời không có người yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: Ông Châu Tấn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Tấn A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Châu Tấn A và bà Phạm Thị Thùy B.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện về việc bà Phạm Thị Thùy B được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Châu Ngọc Kim C, sinh ngày 12/09/2022.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng: Buộc ông Châu Tấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Châu Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 12/09/2022 với mức 1.930.000 đồng/tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Không chấp nhận yêu cầu của ông A cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Châu Tấn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà ông A đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010792 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông A còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

[8] Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- UBND xã X, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh